

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Heavy

OXYCLOG OB

Chiếc **đáp** ứng **nhu** cầu Oxyclog có đế ngoài bằng cao su **đa năng** khô và **đáp** ứng tiêu SRA. Cho phép khử trùng trong (90 C). Oxyclog được trang tĩnh điện giúp tản tĩnh điện dễ dàng và tuân thủ ESD tiêu chuẩn tĩnh điện.



WHT



EBL BLU EGN FUX



RED BLK LBL

Những vật liệu cao cấp hơn	TPE
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	TPE
Loạ	OB / SRA, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0- / US 5.5- JPN 21.5- / KOR 230-
ng lượng thép	0.248 kg
ản hóa chu	ASTM F2892:2024 EN ISO 20347:2012





hấp tiệt **trùng**
Có thể tiệt trùng trong nồi hấp.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRA
trong tính năng giày an toàn và giày SRA lan phòng pha loãng.



90 C
giặt trong máy độ 90°C.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, kháng các ứng dụng trong môi làm sạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.

Công nghiệp **n:**
thuộc c về **y** h ọ c , Thự ccuốn ẩm ng, Làm s

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn , b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bằm phẳ cá phủ hằ nhiệ Khô trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **TPE** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ới h ơ	? 0.8		N/A	ờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ới h ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**					
	L ớp lót: ấm ới h ơ	? 2		N/A	ờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ới h ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**TPE**					
	Ch ố m ng mài mòn ế ngoài (	? 150		120		mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28		0.41		ma sát
	a đế ngoài SRA Phầ t g	? 0.32		0.41		ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13		N/A		ma sát
	ế ngoài SRB phầ n g	? 0.18		N/A		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		90		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		34		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ọc **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		2.46		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			4.72 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		98%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán